

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/DS - PT
Ngày 30 tháng 9 năm 2023
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nghĩa

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Thanh Nhân
Ông Trần Trung Thành

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuận – Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Sáng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 07/2023/TLPT- KDTM ngày 30 tháng 8 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng tín dụng. Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 19/2023/KDTM – ST ngày 19 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3054/2023/QĐ – PT ngày 08 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Công ty Trách nhiệm hữu hạn A (viết tắt là nguyên đơn)

Địa chỉ: Số A, phường L, quận H, thành phố Hà Nội;

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ngân hàng B (viết tắt là Ngân hàng).

Địa chỉ: Số B, quận H, thành phố Hà Nội;

Đại diện theo pháp luật: Ông Lưu Quyết Th – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Chu Văn Th, Chuyên viên cao cấp Phòng xử lý nợ khối quản lý rủi ro, Ngân hàng B.

Địa chỉ: Số C, phường D, quận G, thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền số 6475/2022/UQ-BVB ngày 10/11/2021 và văn bản ủy quyền số 14/2022/UQ-BVB ngày 04/01/2022); có mặt.

- *Bị đơn*: Công ty Trách nhiệm hữu hạn N (viết tắt là bị đơn)
Địa chỉ: Số N Lê Văn H, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình
Đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Văn D - Chủ tịch hội đồng thành viên,
kiêm Giám đốc công ty; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Văn Á -
Luật sư, Văn phòng luật sư G; thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội.

Địa chỉ: Số A Ngõ B, phố H, phường M, quận Đ, thành phố Hà Nội; có
mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:

+ Ông Hồ Văn D, bà Trịnh Thị V

Cùng địa chỉ: Số N Lê Văn H, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình;
ông D có mặt, bà V vắng mặt.

+ Ngân hàng B

Địa chỉ: Số B, đường Ph, quận H, thành phố Hà Nội;

Đại diện theo pháp luật: Ông Lưu Quyết Th – Chủ tịch Hội đồng quản trị;
vắng mặt.

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Chu Văn Th, Chuyên viên cao cấp Phòng xử
lý nợ khối quản lý rủi ro, Ngân hàng B

Địa chỉ: Số C, phường D, quận G, thành phố Hồ Chí Minh; có mặt

- *Người kháng cáo*: Công ty Trách nhiệm hữu hạn N

Địa chỉ: Số N Lê Văn H, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; có
mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung Bản án sơ thẩm số 19/2023/KDTM – ST ngày 19 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Ngày 10/02/2017 bị đơn ký kết Hợp đồng tín dụng số 0065/2017/HĐTD1/BVB03 với Ngân hàng. Theo hợp đồng thì Ngân hàng đồng ý cho bị đơn vay với tổng hạn mức là 148.690.000.000 đồng; mục đích bị đơn vay để đầu tư thực hiện dự án Khu nghỉ dưỡng sinh thái N, tại xã Th, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; thời hạn vay 180 tháng từ ngày giải ngân; lãi suất vay thể hiện chi tiết theo từng khế ước nhận nợ; lãi suất áp dụng với dư nợ gốc quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn (Lãi suất quá hạn). Quá trình thực hiện hợp đồng Ngân hàng đã giải ngân cho bị đơn 136.681.303.075 đồng tại 08 khế ước nhận nợ, cụ thể: Khế ước nhận nợ: ngày 14/02/2017 với số tiền 31.399.500.000 đồng; khế ước nhận nợ ngày 17/05/2017,

số tiền 27.711.630.320 đồng; khế ước nhận nợ ngày 18/5/2017, số tiền 4.000.000.000 đồng; khế ước nhận nợ ngày 07/8/2018, số tiền 44.370.332.740 đồng; khế ước nhận nợ ngày 24/8/2018, số tiền 10.500.000.000 đồng; khế ước nhận nợ ngày 27/9/2018, số tiền 3.400.000.000 đồng; khế ước nhận nợ ngày 06/11/2018, số tiền 8.614.626.735 đồng và khế ước nhận nợ ngày 12/11/2018, số tiền 6.685.213.280 đồng. Tài sản bị đơn bảo đảm của các khoản vay, gồm: Quyền sử dụng đất, sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1, tờ bản đồ số 14 xã Th, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, diện tích 14839.4m² đã được UBND thành phố Đồng Hới cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt GCNQSDĐ) ngày 10/09/2015, mang tên ông Hồ Văn D, bà Trịnh Thị V; Quyền sử dụng đất, sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 379, tờ bản đồ số 12 xã Th, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, diện tích 813.7m² đã được UBND tỉnh Quảng Bình cấp GCNQSDĐ ngày 27/09/2018 cho bị đơn; Quyền sử dụng đất, sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 378, tờ bản đồ số 12 xã Th, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, diện tích 2941.3m² đã được UBND tỉnh Quảng Bình cấp GCNQSDĐ ngày 27/09/2018 cho bị đơn và toàn bộ tài sản trên đất (các công trình xây dựng) thuộc dự án “Khu nghỉ dưỡng sinh thái N” tại xã Th, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

Quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nên ngày 18/5/2022, Ngân hàng đã bản nợ của bị đơn cho nguyên đơn (Hợp đồng mua bán khoản nợ số 110/2022/MBN.VAMC-BAOVIETBANK). Tính đến ngày 19/7/2023 bị đơn còn nợ nguyên đơn 213.766.067.969 đồng, trong đó 133.281.303.075 đồng nợ gốc, 56.832.650.538 đồng nợ lãi trong hạn và 23.652.114.355 đồng nợ lãi quá hạn. Do đó nguyên đơn yêu cầu bị đơn 213.766.067.969 đồng và các khoản tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng và các giấy nhận nợ, cho đến khi trả hết nợ. Kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực mà bị đơn không thanh toán toàn bộ khoản nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản đã thế chấp để thu hồi khoản nợ.

Theo bị đơn thì Quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến ngày 25/02/2019 bị đơn đã nhận 136.681.303.075 đồng tại 08 khế ước nhận nợ và đã trả nợ Ngân hàng 3.400.000.000 đồng tiền gốc và 19.597.512.152 đồng tiền lãi. Tuy nhiên, Ngân hàng không giải ngân tiếp cho bị đơn 12.008.696.925 đồng là vi phạm khoản 2 Điều 5 theo hợp đồng tín dụng đã ký kết ngày 10/02/2017 nên đã làm dự án của bị đơn dở dang, nên không thể đưa vào hoạt động, không thu hút được khách nên không có doanh thu để trả nợ Ngân hàng theo kế hoạch, thiệt hại cho

bị đơn dẫn đến nợ xấu. Do đó, bị đơn đề nghị nguyên đơn khoan nợ, giãn nợ, giảm miễn lãi, bỏ lãi phạt để doanh nghiệp xây dựng phương án trả nợ gốc, lãi cho nguyên đơn; xem xét cơ cấu lại thời hạn trả khoản nợ cho doanh nghiệp; điều chỉnh lãi suất của các khoản nợ xấu; miễn, giảm lãi phạt, phí và lãi vay đã quá hạn thanh toán; chuyển khoản nợ xấu đã mua thành vốn góp để tham gia cơ cấu lại doanh nghiệp, hoàn thiện dự án "Khu nghỉ dưỡng sinh thái N Quảng Bình để đưa vào khai thác có nguồn thu. Việc Ngân hàng bán khoản nợ của Hợp đồng tín dụng số 0065/2017/HĐTD/BVB03 ngày 10/02/2017 cho nguyên đơn đã không thực hiện hiện đúng Nghị định số 53/2013/NĐ-CP ngày 18/5/2013 của Chính phủ và Thông tư 19/2013/TT-NHNN ngày 06/9/2013 của Ngân hàng Nhà nước. Cụ thể: Không thực hiện theo Khoản 2; 3; 4 Điều 16. Khoản 1; 3; 4 Điều 17. Khoản 1 Điều 18 Nghị định số 53/2013 của Chính Phủ. Điểm d khoản 1 Điều 23; Điều 27; Điều 28; Điều 29; Điều 30; Điều 31 Thông tư 19/2013/TT-NHNN ngày 06/9/2013 của Ngân hàng Nhà nước. Do đó, bị đơn đề nghị nguyên đơn thực hiện đúng thông tư trên và bồi thường thiệt hại cho bị đơn liên quan đến 12.008.696.925 đồng (Mười hai tỷ không trăm linh tám triệu sáu trăm chín mươi sáu nghìn chín trăm hai mươi lăm đồng) chưa giải ngân.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2023/KDTM – ST ngày 19 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới đã quyết định. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự; áp dụng Điều 306 của Luật Thương mại 2005, các Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng 2010; các Điều 117, 119, 317, 318, 320, 321, 322, 323, 324, 405, 463, 466, 470 Bộ luật dân sự; Điều 167 của Luật đất đai 2013; các Điều 12, 14, 16 của Nghị định số 53/2013/NĐ-CP ngày 18/5/2013 về thành lập tổ chức hoạt động của Công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam; Điều 5, Điều 7 của Thông tư số 19/2013/TT-NHNN ngày 06/9/2013 quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của Công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải trả nợ cho nguyên đơn với tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 19/7/2023 là 213.766.067.969 đồng (*hai trăm mười ba tỷ, bảy trăm sáu mươi sáu triệu, không trăm sáu mươi bảy ngàn, chín trăm sáu mươi chín đồng*), trong đó, tiền gốc là 133.281.303.075 đồng, lãi trong hạn 56.832.650.538 đồng, lãi quá hạn 23.652.114.355 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên đảm bảo tài sản thế chấp để thi hành án, nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 31 tháng 7 năm 2023 bị đơn làm đơn kháng cáo với nội dung: Toà án cấp sơ thẩm giải quyết không đúng quy định của pháp luật, bác đơn phản tố của bị đơn không đúng quy định; nguyên đơn tính lãi quá cao, không đúng quy định của pháp luật; không thực hiện đúng các thưng tục, nghĩa vụ trước và sau khi mua bán nợ nên đề nghị cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết lại toàn bộ vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn giữ nguyên đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm các đương sự và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn giữa nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 19/2023/KDTM – ST ngày 19 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, buộc bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; kết quả tranh luận, ý kiến của Kiểm sát viên, nguyên đơn, bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ngày 19 tháng 7 năm 2023 Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình xét xử và ban hành Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 19/2023/KDTM – ST. Ngày 31 tháng 7 năm 2023, bị đơn kháng cáo. Đơn kháng cáo của bị đơn làm trong hạn luật định; bị đơn đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng quy định tại Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự nên chấp nhận để xét xử phúc thẩm.

[2] Ngày 10 tháng 02 năm 2017 bị đơn ký kết Hợp đồng tín dụng số 0065/2017/HĐTD1/BVB03 với Ngân hàng. Theo hợp đồng thì Ngân hàng đồng ý cho bị đơn vay 148.690.000.000 đồng; mục đích bị đơn vay để đầu tư thực hiện dự án Khu nghỉ dưỡng sinh thái N, tại xã Th, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; thời hạn vay 180 tháng từ ngày giải ngân; lãi suất vay thể hiện chi tiết theo từng khế ước nhận nợ; lãi suất áp dụng với dư nợ gốc quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn (Lãi suất quá hạn). Quá trình thực hiện hợp đồng Ngân hàng đã giải ngân cho bị đơn 136.681.303.075 đồng tại 08 khế ước nhận nợ, cụ thể: Khế ước nhận nợ: ngày 14/02/2017 với số tiền 31.399.500.000 đồng; khế ước nhận nợ ngày 17/05/2017, số tiền 27.711.630.320 đồng; khế ước nhận nợ ngày 18/5/2017, số tiền 4.000.000.000 đồng; khế ước

nhận nợ ngày 07/8/2018, số tiền 44.370.332.740 đồng; khế ước nhận nợ ngày 24/8/2018, số tiền 10.500.000.000 đồng; khế ước nhận nợ ngày 27/9/2018, số tiền 3.400.000.000 đồng; khế ước nhận nợ ngày 06/11/2018, số tiền 8.614.626.735 đồng và khế ước nhận nợ ngày 12/11/2018, số tiền 6.685.213.280 đồng.

[3] Để đảm bảo vốn vay bị đơn đã thế chấp Quyền sử dụng đất, sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1, tờ bản đồ số 14 xã Th, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình theo GCNQSDĐ số CB133999 ngày 10/09/2015 của UBND thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình cấp cho ông Hồ Văn D, bà Trịnh Thị V; GCNQSDĐ số CN793065 ngày 27/09/2018 của UBND tỉnh Quảng Bình cấp cho bị đơn tại thửa đất số 379, tờ bản đồ số 12 xã Th, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; GCNQSDĐ số CN79306 ngày 27/09/2018 của UBND tỉnh Quảng Bình cấp cho bị đơn tại thửa đất số 378, tờ bản đồ số 12 xã Th, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình tại thửa đất số 378, tờ bản đồ số 12 xã Th, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình và toàn bộ tài sản trên đất (các công trình xây dựng) thuộc dự án “Khu nghỉ dưỡng sinh thái N” tại xã Th, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

[4] Tại phiên toà phúc thẩm bị đơn thừa nhận đã được Ngân hàng giải ngân 136.681.303.075 đồng theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng. Cụ thể, số tiền bị đơn đã nhận tại 08 khế ước nhận nợ là: Khế ước nhận nợ ngày 14/02/2017 với số tiền 31.399.500.000 đồng; khế ước nhận nợ ngày 17/05/2017, số tiền 27.711.630.320 đồng; khế ước nhận nợ ngày 18/5/2017, số tiền 4.000.000.000 đồng; khế ước nhận nợ ngày 07/8/2018, số tiền 44.370.332.740 đồng; khế ước nhận nợ ngày 24/8/2018, số tiền 10.500.000.000 đồng; khế ước nhận nợ ngày 27/9/2018, số tiền 3.400.000.000 đồng; khế ước nhận nợ ngày 06/11/2018, số tiền 8.614.626.735 đồng và khế ước nhận nợ ngày 12/11/2018, số tiền 6.685.213.280 đồng.

[5] Tại 08 khế ước nhận nợ của bị đơn với Ngân hàng thể hiện lịch trả gốc 03 tháng/lần sau thời gian ân hạn, trả vào ngày 25 của tháng đến kỳ trả nợ; lịch trả lãi trong 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi được trả định kỳ 03 tháng/lần. Bên B (bị đơn) chủ động thu xếp tài chính để trả lãi hoặc bên A (Ngân hàng) cho vay để thanh toán lãi; ngày trả lãi là ngày 25 của tháng đến kỳ trả lãi. Quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến ngày 25/02/2019 bị đơn đã trả cho Ngân hàng 3.400.000.000 đồng tiền gốc và 19.597.512.152 đồng tiền lãi. Theo các khế ước trên thì bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả gốc và lãi cho Ngân hàng, số nợ này đã chuyển qua nợ xấu nên Ngân hàng đã bán số nợ này cho nguyên đơn. Toà án cấp sơ thẩm xử buộc bị đơn trả nợ cho nguyên đơn tính đến ngày 19/7/2023 là 213.766.067.969 đồng (*hai trăm mười ba tỷ, bảy trăm sáu mươi sáu triệu, không*

trăm sáu mươi bảy ngàn, chín trăm sáu mươi chín đồng); trong đó, 133.281.303.075 đồng tiền gốc, 56.832.650.538 đồng tiền lãi trong hạn và 23.652.114.355 đồng tiền lãi quá hạn là có căn cứ.

[6] Xét kháng cáo của bị đơn về việc nguyên đơn tính lãi quá cao thấy: Tại các khế ước nhận nợ như phân tích tại mục [4] thì giữa bị đơn và Ngân hàng thoả thuận mức lãi suất trong hạn là 11,8%/năm, lãi quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Mức lãi suất này không cao hơn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên nội dung kháng cáo này của bị đơn không được chấp nhận.

[7] Kháng cáo về việc Ngân hàng bán nợ của bị đơn cho nguyên đơn không đúng quy định của pháp luật thấy: Ngày 18/5/2022 giữa nguyên đơn và Ngân hàng ký kết Hợp đồng mua bán nợ số 110/2022/MBN – BAOVIETBANK, theo hợp đồng này thì Ngân hàng bán cho nguyên đơn Hợp đồng tín dụng số 0065/2017/HĐTD1/BVB03 ngày 10/02/2017 ký kết giữa bị đơn ký kết giữa Ngân hàng. Căn cứ Nghị định số 53/2013/NĐ – CP ngày 18/5/2013 của Chính Phủ về thành lập, tổ chức và hoạt động công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam; Thông tư số 19/2013/TT – NHNN ngày 06/9/2013 của Ngân hàng Nhà nước quy định về mua, bán xử lý nợ xấu của công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng thì hợp đồng mua bán nợ xấu giữa nguyên đơn và Ngân hàng được thực hiện đúng quy định, không sai.

[8] Đối với kháng cáo việc Toà án cấp sơ thẩm không chấp nhận phản tố của bị đơn không đúng quy định của pháp luật thấy: Tại Đơn phản tố bị đơn cho rằng Ngân hàng không giải ngân cho bị đơn 12.008.696.925 đồng đã vi phạm Điều 5 Hợp đồng tín dụng số 0065/2017/HĐTD1/BVB03 ngày 10/02/2017 nên buộc Ngân hàng và nay là nguyên đơn phải bồi thường thiệt hại. Quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên toà phúc thẩm Ngân hàng cho rằng không giải ngân tiếp số tiền còn lại cho bị đơn, bởi lẽ khi thực hiện hợp đồng Ngân hàng đã định giá lại tài sản thế chấp của bị đơn thấy tài sản thế chấp của bị đơn không đảm bảo nên không tiếp tục giải ngân số tiền còn lại theo hợp đồng. Việc làm này của Ngân hàng đúng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 của hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa hai bên. Tại phiên toà phúc thẩm bị đơn trình bày có xuất trình thêm tài sản thế chấp để Ngân hàng xem xét giải ngân tiếp số tiền còn lại theo hợp đồng nhưng không được Ngân hàng xem xét, tuy nhiên bị đơn không có tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc đã bổ sung được tài sản thế chấp thêm cho Ngân hàng nên nội dung kháng cáo này của bị đơn không được chấp nhận.

[9] Từ các phân tích trên thấy, bị đơn kháng cáo không có căn cứ nên không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[10] Bị đơn kháng cáo không được cấp phúc thẩm chấp nhận nên phải chịu 2.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 272, Điều 273, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Không chấp nhận Đơn kháng cáo của Công ty Trách nhiệm hữu hạn N đối với Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 19/2023/KDTM – ST ngày 19 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn N phải trả Công ty Trách nhiệm hữu hạn A, tính đến ngày 19/7/2023 là 213.766.067.969 đồng (*hai trăm mười ba tỷ, bảy trăm sáu mươi sáu triệu, không trăm sáu mươi bảy ngàn, chín trăm sáu mươi chín đồng*), trong đó, 133.281.303.075 đồng tiền gốc, 56.832.650.538 đồng tiền lãi trong hạn và 23.652.114.355 đồng tiền lãi quá hạn.

3. Kể từ ngày 20/7/2023 cho đến khi thi hành xong số nợ gốc, hàng tháng Công ty Trách nhiệm hữu hạn N còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền gốc chưa thi hành theo Hợp đồng tín dụng số 0065/2017/HĐTD1/BVB03 ngày 10/02/2017 ký kết giữa Công ty Trách nhiệm hữu hạn N và Ngân hàng B được ghi trong các khế ước nhận nợ số 0065-.01/2017/KUNN1/BVB03 ngày 14/12/2017; khế ước nhận nợ số 0065-.02/2017/KUNN1/BVB03 ngày 17/5/2017; khế ước nhận nợ số 0065-.03/2017/KUNN1/BVB03 ngày 18/5/2017; khế ước nhận nợ số 0065-.04/2017/KUNN1/BVB03 ngày 07/08/2017; khế ước nhận nợ số 0065-.05/2017/KUNN1/BVB03 ngày 24/8/2018; khế ước nhận nợ số 0065-.06/2017/KUNN1/BVB03 ngày 27/9/2018; khế ước nhận nợ số 0065-.07/2017/KUNN1/BVB03 ngày 06/11/2018; hế ước nhận nợ số 0065-.08/2017/KUNN1/BVB03 ngày 12/11/2018.

4. Tiếp tục duy trì các tài sản thế chấp của Công ty Trách nhiệm hữu hạn N để đảm bảo thi hành án, gồm: Quyền sử dụng đất, sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 01, tờ bản đồ số 14 xã Th, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình đã được Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB133999 ngày 10/09/2015 cho ông Hồ Văn D, bà Trịnh Thị V; Quyền sử dụng đất, sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 379, tờ bản đồ số 12 xã Th, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình đã được Ủy ban

nhân dân tỉnh Quảng Bình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN793065 ngày 27/09/2018 cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn N; Quyền sử dụng đất, sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 378, tờ bản đồ số 12 xã Th, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN793065 ngày 27/09/2018 cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn N và và toàn bộ tài sản trên đất (các công trình xây dựng) thuộc dự án “Khu nghỉ dưỡng sinh thái N” tại xã Th, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

5. Công ty Trách nhiệm hữu hạn N phải chịu 441.775.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và 2.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được trừ 62.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số 0001405 ngày 26/12/2022 và Biên lai số 0001633 ngày 07/8/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Công ty Trách nhiệm hữu hạn N còn phải nộp 381.775.000 đồng (*Ba trăm tám mươi một triệu, bảy trăm bảy mươi lăm ngàn đồng*) án phí.

6. Công ty Trách nhiệm hữu hạn A được nhận lại 152.136.000 đồng (*Một trăm năm mươi hai triệu, một trăm ba mươi sáu ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số 0001289 ngày 07/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 30/9/2023.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đồng Hới;
- CCTHADS thành phố Đồng Hới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Nghĩa

